

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2018/HSST
Ngày 21/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 279/2018/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **PHẠM THIÊN L (Tên gọi khác: N)**, Sinh ngày 12 tháng 10 năm 1998; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Liên Gia 3, tổ dân phố 2, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Sỹ L, sinh năm: 1971 và con bà: Nguyễn Thị N (đã chết). Hiện trú tại: Liên Gia 3, tổ dân phố 2, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền sự, tiền sự: Không;

Nhân thân: Vào ngày 27/11/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm tuyên phạt bị cáo 02 năm tù giam, về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo bản án số 501/2015/HSST ngày 27/11/2015. Đến ngày 01/12/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 24/7/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam – Có mặt.

2. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN T**, Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1993; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 192/19/2 đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1957 và con bà: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994 và có 02 con lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2012. Hiện đều trú tại: 192/19/2 đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại – Có mặt.

3. Họ và tên: **NGUYỄN TRUNG S**, Sinh ngày 23 tháng 7 năm 1999; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Liên gia 6, Tổ dân phố 2, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không rõ cha đẻ) và con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1965. Hiện trú tại: Liên gia 6, Tổ dân phố 2, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại – Có mặt.

Người bị hại:

1. Anh Đặng Xuân H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Chị Trần Thị A, sinh năm 1986. Địa chỉ: 91/31 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1979. Địa chỉ: 91/31 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1990. Địa chỉ: 415 đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 16/01/2001. Người đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Liên gia 6, Tổ dân phố 2, phường, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994. Địa chỉ: 192/19/2 đường V, liên gia 11, tổ dân phố 6, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thiên L, là đối tượng có nhân thân xấu từng bị xét xử về tội Cướp giật tài sản đã được xóa án tích, do không có tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ ngày 17/02/2018 đến ngày 06/7/2018 Phạm Thiên L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn S rủ nhau thực hiện một số vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ ngày 17 tháng 02 năm 2018, Nguyễn Văn T, rủ Phạm Thiên L đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, thì L đồng ý. T điều khiển xe Mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47B1- 901.61, số máy: 5C6H141231, số khung: RLCS5C6H0FY141228, chở L về nhà lấy một cây xà beng, dài khoảng 50cm, một đầu dẹp, một đầu uốn cong, đường kính 02cm và một cái kềm, dài 20cm đều làm bằng kim loại đựng trong một chiếc ba lô, bỏ vào một chiếc bao nhựa màu xanh loại 50kg để trên ba ga xe rồi Toàn điều khiển xe mô tô trên chở L đi lòng vòng trên các tuyến đường trong thành phố B, quan sát tìm nhà dân sơ hở đột nhập vào lấy trộm tài sản. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, cả hai đi ngang qua một căn nhà xây cấp bốn, tường xây xi măng xung quanh của anh Đặng Xuân H, sinh năm: 1981, trú tại: Thôn T, xã E, thành phố B thì phát hiện thấy cửa khóa, không có người trông coi. Thấy vậy, T dừng xe, nói L điều khiển xe cách nhà anh H khoảng 100 m đứng ngoài cánh giới, còn T cầm bao nhựa đựng công cụ trèo qua tường rào vào trong sân nhà đến cửa chính làm bằng gỗ, có ổ khóa chốt ngang, T dùng xà beng phá khóa đột nhập vào bên trong đi vào phòng ngủ thấy một két sắt hiệu K-ONE, kích thước (54x42x62)cm, T đi xuống bếp lấy 01 con dao cán gỗ, dao dài 33cm, lưỡi dao kích thước (20,5x8,5cm) và 01 dũa kim loại, cán gỗ, kích thước (28x01)cm, phá két sắt ra thấy có nhiều cục tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 50.000 đồng, T lấy hết cất dấu vào trong người và lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobiistar B209, màu đen, imei: 352209021196002 để trên đầu giường, sau đó vứt dao, dũa tại phòng ngủ rồi đi ra phòng khách thấy **có 01 chùm chìa khóa đang cắm trên xe mô tô T** lấy bỏ vào túi quần rồi đi ra phá khóa cổng đi ra ngoài gọi điện thoại cho L đến, sau đó T chở L tẩu thoát. Trên đường đi T nói cho L biết dùng xà beng phá két sắt ra nhưng không có tài sản gì rồi T vứt chiếc điện thoại Mobiistar B209, màu đen, imei: 352209021196002; 01 chiếc chìa khóa xe mô tô; 01 chiếc bao nhựa đựng ba lô, xà beng, kềm ven đường không nhớ vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, rồi chở L về nhà. Còn về nhà đếm được số tiền là 15.000.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 147 ngày 18/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobiistar B209, màu đen, imei: 352209021196002, có trị giá 50.000 đồng;
 - 01 két sắt hiệu K-ONE, kích thước (54x42x62)cm, trị giá là 50.000 đồng.
- Tổng giá trị tài sản là 100.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06 tháng 7 năm 2018, Phạm Thiên L, điều khiển xe Mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47M7-0568, số máy

5C61087819, số khung 5C6107Y087819, chở Nguyễn Trung S đi ngang qua quán cà phê Đại Dương, địa chỉ số: 91/31 G, phường T, thành phố B, thấy cửa sân khóa, không có người, L dừng xe lại nói S đứng ngoài cảnh giới còn L đi bộ đến trèo qua hàng rào vào bên trong đến một phòng ngủ, phía bên cạnh quầy tính tiền, nhìn qua khe cửa thấy có 01 điện thoại di động Iphone 6S, 16G, màu vàng, imei: 355689076192583 đang cắm sạc pin, 01 điện thoại di động NoKia, màu đen (Không rõ đời máy và số imei) và một chiếc giỏ xách bằng da màu đen của chị Trần Thị A, sinh năm: 1986, trú tại: 91/31 G, phường T, thành phố B. Thấy vậy, L đi ra nói với S sau đó cả hai trèo rào vào bên trong lấy một cây móc phơi đồ bằng kim loại dùng tay uốn thẳng, một đầu bẻ cong cạy chốt cửa, L mở cửa đi vào lấy 01 chiếc giỏ xách bằng da màu đen đưa ra cho S giữ rồi quay vào lấy 01 chiếc điện thoại Iphone 6S và 01 điện thoại Nokia (Không rõ đời máy) cất giấu trong người rồi cả hai leo rào ra phía ngoài cổng. Tại đây, L cùng S mở bóp kiểm tra thấy bên trong có tiền 1.750.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân, 02 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Trần Thị A. Sau đó, L lấy tiền và vứt bỏ chiếc giỏ và giấy tờ trên tay, rồi điều khiển xe mô tô chở S tẩu thoát đến ngã ba đường V và T, phường K, thành phố B ăn tối. Tại đây, S trả tiền ăn hết 150.000 đồng và chia cho L số tiền 800.000 đồng sau đó đi về nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, S đến gặp và đưa cho L 2.000.000 đồng, để lấy chiếc điện thoại di động Iphone 6S, 16G sử dụng. Đến ngày 09 tháng 7 năm 2018, L đem chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen trộm cắp của chị A đến dịch vụ cầm đồ Nhật Anh, địa chỉ: 415 L, phường E, thành phố B, cầm được 200.000 đồng, số tiền này L đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc điện thoại Nokia của L, anh Nguyễn Thành N (Chủ dịch vụ cầm đồ Nhật Anh) đã bán chiếc điện thoại trên cho khách hàng không rõ nhân thân lai lịch, do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được. Ngày 15 tháng 7 năm 2018, Nguyễn Trung S đem chiếc điện thoại Iphone 6S trên đến tiệm cầm đồ Nhật Anh, cầm cho anh Nguyễn Thành N lấy số tiền 3.000.000 đồng. Đến giữa tháng 8 năm 2018, S bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S trên cho anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 2001, trú tại: Liên gia 6, tổ dân phố 3, phường K, thành phố B, với giá 4.000.000 đồng. Sau đó, S đưa cho anh D hợp đồng cầm cố chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S trên và anh D đưa thêm cho S số tiền 1.000.000 đồng, rồi D đem hợp đồng cầm cố đến dịch vụ cầm đồ Nhật Anh chuộc lại chiếc điện thoại Iphone 6S với số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 23 tháng 6 năm 2018, anh Nguyễn Hoàng D đã tự nguyện giao nộp điện thoại Iphone 6S cho Cơ quan điều tra và yêu cầu bị can Nguyễn Trung S phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 187 ngày 13/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận:

01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S, 16G, màu vàng, imei: 355689076192583 đã qua sử dụng, trị giá: 4.300.000 đồng;

01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, không rõ đời máy và số imei, đã qua sử dụng, trị giá 70.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 4.370.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 284/CT-VKS ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Phạm Thiên L, Nguyễn

Văn T, Nguyễn Trung S, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra, cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng số 255/CT-VKS ngày 10 tháng 9 năm 2018, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thiên L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trung S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thiên L từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 24/7/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung S từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

+ Chấp nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho anh Đặng Xuân H. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường cho anh Đặng Xuân H 100.000 đồng đối với giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar B209 không thu hồi được và chiếc kết sắt hiệu K-ONE bị hư hại;

+ Buộc bị cáo Phạm Thiên L và Nguyễn Trung S phải liên đới bồi thường với tổng số tiền 1.750.000 đồng cho anh Nguyễn Quốc H.

+ Buộc bị cáo Phạm Thiên L và Nguyễn Trung S phải liên đới bồi thường với tổng số tiền là 70.000 đồng cho chị Trần Thị A, đối với giá trị tài sản bị mất là chiếc điện thoại Nokia (không rõ đời máy).

+ Ghi nhận tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trung S đã bồi thường toàn bộ số tiền 4.000.000 đồng cho anh Nguyễn Hoàng D, là số tiền anh D dùng để mua điện thoại di động Iphone 6S, 16G do bị cáo Nguyễn Trung s đã lấy trộm của chị Trần Thị A.

- Về xử lý vật chứng:

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả cho anh Đặng Xuân H là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản sau: 01 kết sắt hiệu K-ONE, kích thước (54x42x62)cm; 01 con dao cán gỗ dài 33cm, lưỡi dao kích thước (20,5x8,5)cm và 01 dĩa kim loại, cán gỗ, lưỡi dĩa hình trụ tròn kích thước (28x01)cm; 01 ổ khóa in chữ E18FASTRO TOP SECURITY.

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả cho chị Trần Thị A là chủ sở hữu hợp pháp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S, 16G màu vàng imei: 355689076192583 đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47B1- 901.61 với số tiền là 6.100.000 đồng, đây là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T, mà bị cáo dùng vào việc phạm tội. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô với số tiền là 6.100.000 đồng; Tiếp tục tạm giữ chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47B1-901.61, số máy: 5C6H141231, số khung: RLCS5C6H0FY141228 để đảm bảo công tác thi hành án.

+ Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách hành vi của Đ, H và chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 47M7-0568 ra khỏi vụ án, để tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

+ Đối với chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, số máy 5C63062510, số khung RLCS5C6308Y062510, gắn biển số 47E1- 210.81, đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung S vào ngày 24/7/2018. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, chiếc xe này bị cáo S mượn của bạn tên Đ (Không rõ nhân thân lai lịch). Biển số 47E1- 210.81 là của chiếc xe mô tô do anh Cao P, sinh năm: 1984, trú tại: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên chủ sở hữu bị trộm cắp vào ngày 20/6/2018, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã có Công văn trao đổi thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, để xử lý theo quy định của pháp luật; Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, số máy 5C63062510, số khung RLCS5C6308Y062510 là xe mang biển số 48H2-2331, do anh Triệu Văn C, sinh năm: 1972, trú tại: Thôn 15, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông, đứng tên chủ sở hữu và bị mất trộm vào ngày 22 tháng 9 năm 2017, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã có Công văn trao đổi thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông biết để xử lý theo quy định pháp luật.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc sim có số thuê bao 0949326546 và 0941315954 do thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thiên L để thực hiện cho việc phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Nokia màu xanh số Imei 356002086376486; Model TA 1030, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án;

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thiên L 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia

1202 màu xanh đen số Imeil 355133000807321, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel, màu sơn đỏ số Imeil 355020053077615, nhưng cần tiến tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Các bị cáo Phạm Thiên L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trung S không có ý kiến tranh luận gì thêm chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào khoảng 09 giờ ngày 17 tháng 02 năm 2018, Nguyễn Văn T cùng với Phạm Thiên L đã lén lút đột nhập vào nhà anh Đặng Xuân H, tại: Thôn T, xã E, thành phố B, đục két sắt lấy trộm số tiền 15.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Mobiiistar B209 màu đen trị giá 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản do bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thiên L trộm cắp là 15.050.000 đồng.

Vào ngày 06/7/2018 Phạm Thiên L chở Nguyễn Trung S đột nhập vào quán cà phê Đại Dương tại địa chỉ: 91/31 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã lén lút lấy trộm tài sản của anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị A gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S trị giá 4.300.000 đồng, 01 điện thoại Nokia không rõ đời máy trị giá 70.000 đồng và số tiền 1.750.000 đồng. Tổng giá trị tài sản do bị cáo Phạm Thiên L và Nguyễn Trung S trộm cắp là 6.120.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[2]. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, như vậy quyết định truy tố bị cáo Phạm Thiên L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trung S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T khi thực hiện hành vi đục két sắt bị cáo chỉ thừa nhận lấy trong két sắt số tiền 15.000.000 đồng, người bị hại anh Đặng Xuân H cũng không chứng minh và đưa ra được chứng cứ số tiền bị cáo lấy trong két sắt là 21.000.000 đồng do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Văn T chỉ thực hiện hành vi lấy trộm số tiền trong két sắt 15.000.000 đồng là có cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Phạm Thiên L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trung S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức được rằng, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, luôn luôn được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Song do lối sống buông thả, với bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã cùng nhau rủ rê thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Xét trong vụ án các bị cáo phạm tội thuộc tính chất đồng phạm giản đơn, cùng nhau rủ rê và thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội vai trò, tính chất, mức độ của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa từng bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Thiên Lg là người thực hành tích cực nhất và tham gia 02 vụ trộm cắp khác nhau, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội *“Cướp giật tài sản”* bị cáo không lấy đó làm bài kinh nghiệm để tu dưỡng, rèn luyện bản thân thành người công dân có ích cho xã hội mà lại dần thân vào con đường phạm tội, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đối với bị cáo cần có mức án thật nghiêm và buộc các ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định và mức hình phạt cao hơn các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Trung S có như vậy mới đủ tính chất răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Trung S mặc dù bị cáo không phải là người trực tiếp lấy tài sản, tuy nhiên sau khi được bị cáo L rủ rê đi trộm cắp, thì bị cáo đã tiếp nhận ý chí một cách tích cực và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần có mức án phù hợp, buộc cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định có như vậy mới đủ tính chất giáo dục và răn đe.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Toàn, mặc dù bị cáo là người rủ bị cáo L đi trộm cắp trước, là người chuẩn bị công cụ cho việc phạm tội và là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người bị hại. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của bị cáo Toàn chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn thống nhất, cùng nhau tiếp nhận ý chí rồi thực hiện hành vi phạm tội. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, trong thời gian được tại ngoại chờ xét xử bị cáo luôn chấp hành tốt đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước và không vi phạm quy định pháp luật, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không gây nguy hiểm cho xã hội, do vậy hành vi của bị cáo là phù hợp với Điều 2 và không vi phạm Điều 3 của nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/6/2018. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tính chất giáo dục và răn đe.

[3]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo T và bị cáo S, sau khi phạm tội đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo T sau khi thực hiện hành vi phạm tội được người bị hại làm đơn bãi nại, bản thân bị cáo là người có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trên đây là các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng cần áp dụng cho các bị cáo trong khi lượng hình, để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

+ Sau khi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường toàn bộ số tiền đã lấy trong kết sắt 15.000.000 đồng của anh Đặng Xuân H, tại phiên tòa anh Đặng Xuân H tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường số 100.000 đồng đối với giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar B209 không thu hồi được và chiếc kết sắt hiệu K-ONE bị hư hại theo giá trị của Hội đồng định giá, còn đối với chiếc chìa khóa bị cáo T rút trên ổ khóa xe mô tô của anh H, anh H xác định tài sản này không có giá trị và không yêu cầu bồi thường. Xét thấy yêu cầu trên là phù hợp, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu trên giữa bị cáo Nguyễn Văn T và anh Đặng Xuân H. Chấp nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho anh Đặng Xuân H. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường cho anh Đặng Xuân H số tiền 100.000 đồng.

+ Tại cơ quan điều tra anh Nguyễn Quốc H xác nhận là bị mất số tiền 1.750.000 đồng, chị Trần Thị A bị mất chiếc điện thoại Nokia (không rõ đời máy) theo giá trị Hội đồng định giá xác định điện thoại này có giá trị 70.000 đồng. Các bị cáo Phạm Thiên L và Nguyễn Trung S đều thừa nhận lấy số tài sản này của anh H và chị A. Nên Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo Phạm Thiên L và Nguyễn Trung S mỗi bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Quốc H với số tiền là 875.000 đồng và bồi thường cho chị Trần Thị A, với số tiền là 35.000 đồng.

+ Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trung S và anh Nguyễn Hoàng D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xác nhận trước khi mở phiên tòa bị cáo ỹ đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh D với số tiền là 4.000.000 đồng, anh D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện bồi thường này giữa anh D và bị cáo T.

- *Về xử lý vật chứng:*

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả cho anh Đặng Xuân H là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản sau: 01 kết sắt hiệu K-ONE, kích thước (54x42x62)cm; 01 con dao cán gỗ dài 33cm, lưỡi dao kích thước (20,5x8,5)cm và 01 dĩa kim loại, cán gỗ, lưỡi dĩa hình trụ tròn kích thước (28x01)cm; 01 ổ khóa in chữ E18FASTRO TOP SECURITY.

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả cho chị Trần Thị A là chủ sở hữu hợp pháp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S, 16G màu vàng imei: 355689076192583 đã qua sử dụng.

+ Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Trung S đưa cho bị cáo Phạm Thiên L để nhận sử dụng chiếc điện thoại Iphone 6S, 16G màu vàng do trộm cắp được của chị Trần Thị A, xét thấy đây chỉ là thỏa thuận riêng giữa bị cáo L và bị cáo S, số tiền không phải được hưởng lợi do hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trung S không yêu cầu bị cáo Phạm Thiên L phải hoàn trả lại đối với số tiền này, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết đối với số tiền này.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47B1- 901.61 với số tiền là 6.100.000 đồng, đây là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T, mà bị cáo dùng vào việc phạm tội. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô với số tiền là 6.100.000 đồng; Tiếp tục tạm giữ chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47B1-901.61, số máy: 5C6H141231, số khung: RLCS5C6H0FY141228 để đảm bảo công tác thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc sim có số thuê bao 0949326546 và 0941315954 do thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thiên L để thực hiện cho việc phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Nokia màu xanh số Imei 356002086376486; Model TA 1030, là tài sản riêng của bị cáo không dùng vào việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án;

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thiên L 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh đen số Imeil 355133000807321, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel, màu sơn đỏ số Imeil 355020053077615, là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần tiến tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

+ Đối với chiếc chìa khóa xe mô tô của anh Đặng Xuân H do bị cáo Nguyễn Văn T rút ra sau đó vứt bỏ, quá trình làm việc tại cơ quan điều tra anh Đặng Xuân H xác định chiếc chìa khóa này không có giá trị và cũng không thu giữ được, nên không yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột làm rõ và định giá để xác định giá trị của chiếc chìa khóa này. Do đó, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không xem xét giải quyết đối với tài sản này là phù hợp.

+ Đối với 01 chiếc giở xách bằng da màu đen, 01 chứng minh nhân dân, 02 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe của chị Trần Thị A. Các bị cáo Phạm Thiên L và

Nguyễn Trung S đều xác nhận sau khi lấy được số tiền 1.750.000 đồng, các bị cáo đã vứt bỏ lại chiếc giỏ xách, các giấy tờ tại công nhà chị Trần Thị A và không lấy những tài sản này, ngoài ra chị Trần Thị A cũng đã lấy lại được các tài sản này và không yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột xem xét giải quyết. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không xem xét đối với những tài sản này là phù hợp.

+ Đối với chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47M7-0568, số máy 5C61087819, số khung 5C6107Y087819 quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô này là của ông Phan Đức P, sinh năm: 1972, trú tại: Thôn 2, xã E, thành phố B, đứng tên chủ sở hữu. Sau đó, ông Phê cho con trai tên là Phan Đức Nh, mượn làm phương tiện đi lại. Ngày 15 tháng 4 năm 2018, anh Nhu cho bạn tên H (Không rõ nhân thân lai lịch) mượn. Sau đó bị cáo L mượn của bạn tên Đ (Không Rõ lai Lịch). Việc bị cáo L và S sử dụng chiếc xe Mô tô biển số 47M7- 0568 làm phương tiện phạm tội, thì anh Phan Đức P và Phan Đức Th không biết, nên không đề cập xử lý. Đối với hành vi của H và Đ giao chiếc xe mô tô cho L sử dụng đi trộm cắp, chưa xác định được nhân thân lai lịch, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tách hành vi của H, Đ và chiếc xe Mô tô biển số 47M7-0568 ra khỏi vụ án, để tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

+ Đối với chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, số máy 5C63062510, số khung RLCS5C6308Y062510, gắn biển số 47E1- 210.81, đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung S vào ngày 24/7/2018. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, chiếc xe này bị cáo S mượn của bạn tên Đ (Không rõ nhân thân lai lịch). Biển số 47E1- 210.81 là của chiếc xe mô tô do anh Cao P, sinh năm: 1984, trú tại: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên chủ sở hữu bị trộm cắp vào ngày 20/6/2018, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã có Công văn trao đổi thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, để xử lý theo quy định của pháp luật (theo công văn số 1523 ngày 25/9/2018); Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, số máy 5C63062510, số khung RLCS5C6308Y062510 là xe mang biển số 48H2-2331, do anh Triệu Văn C, sinh năm: 1972, trú tại: Thôn 15, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, đứng tên chủ sở hữu và bị mất trộm vào ngày 22 tháng 9 năm 2017, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã có Công văn trao đổi thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông biết để xử lý theo quy định pháp luật (theo công văn số 1524 ngày 25/9/2018).

[5]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thiên L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trung S không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, các bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thiên L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trung S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thiên L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 24/7/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 2 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột cùng với gia đình quản lý và giáo dục bị cáo trong gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

+ Chấp nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho anh Đặng Xuân H. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường cho anh Đặng Xuân H 100.000 đồng đối với giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar B209 không thu hồi được và chiếc kết sắt hiệu K-ONE bị hư hại;

+ Buộc bị cáo Phạm Thiên L và Nguyễn Trung S mỗi bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Quốc H với số tiền là 875.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Phạm Thiên L và Nguyễn Trung S mỗi bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Trần Thị A, với số tiền là 35.000 đồng, đối với giá trị tài sản bị mất là chiếc điện thoại Nokia (không rõ đời máy).

+ Ghi nhận bị cáo Nguyễn Trung S đã tự nguyện bồi thường với số tiền 4.000.000 đồng cho anh Nguyễn Hoàng D, anh D không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- *Về xử lý vật chứng:*

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả cho anh Đặng Xuân H là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản sau: 01 kết sắt hiệu K-ONE, kích thước (54x42x62)cm; 01 con dao cán gỗ dài 33cm, lưỡi dao kích thước (20,5x8,5)cm và 01 dũa kim loại, cán gỗ, lưỡi dũa hình trụ tròn kích thước

(28x01)cm; 01 ổ khóa in chữ E18FASTRO TOP SECURITY.

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả cho chị Trần Thị A là chủ sở hữu hợp pháp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S, 16G màu vàng imei: 355689076192583 đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47B1- 901.61 với số tiền là 6.100.000 đồng, đây là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T, mà bị cáo dùng vào việc phạm tội. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô với số tiền là 6.100.000 đồng; Tiếp tục tạm giữ chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47B1-901.61, số máy: 5C6H141231, số khung: RLCS5C6H0FY141228 để đảm bảo công tác thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc sim có số thuê bao 0949326546 và 0941315954 do thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thiên L để thực hiện cho việc phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Nokia màu xanh số Imei 356002086376486; Model TA 1030, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án;

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thiên L 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh đen số Imeil 355133000807321, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel, màu sơn đỏ số Imeil 355020053077615, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Tang vật có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ngày 09/10/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Thiên L, Nguyễn Trung S, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phạm Thiên L, Nguyễn Trung S, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. BMT;
- Chánh án TAND Tp. BMT;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Y Kam ÊNuôl